

Bản án số: 56/2019/HS-PT

Ngày: 05 - 04 -2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Phương

*Các thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Ông Trần Khánh Hồng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Diệp Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Ông Lưu Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 11/2019/TLPT-HS ngày 05 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Dương Ngọc H và Dương Văn H1 do có kháng cáo của bị hại Đào Văn P và Đào Xuân T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 155/2018/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

***- Bị cáo bị kháng cáo:***

**1. Dương Ngọc H**, sinh năm 1987 tại huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm ĐK, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông: Dương Văn Q và bà Dương Thị L, có vợ là: Ngô Thị Th, sinh năm: 1988 và 02 con: con lớn sinh năm 2013 và con nhỏ sinh năm 2016. T1 án, T1 sự: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/8/2017 cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

**2. Dương Văn H1**, sinh năm 1984 tại huyện BP, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm ĐK, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông: Dương Văn Q và bà Dương Thị L; có vợ là Dương Thị H, sinh năm: 1986 và 02 con: con lớn sinh năm 2006 và con

nhỏ sinh năm 2011.T1 án, T1 sự: Không có. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào, hiện đang tại ngoại tại địa P. (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Ngọc H và Dương Văn H1 (do các bị cáo mời):* Ông Lê Q N và ông Nguyễn Công Q – Luật sư văn phòng luật sư AT thuộc đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên. Ông Nam có mặt, ông Q vắng mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:*

1. Ông Đào Văn P, sinh năm 1966 (có mặt).

2. Anh Đào Xuân T, sinh năm 1990. (có mặt).

Đều trú tại: Xóm ĐK, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại (do bị hại mời):* Ông Nguyễn Ngọc Th - Luật sư, văn phòng Luật sư TH, Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo:*

Ông: Dương Văn Q, sinh năm 1964 (bỏ để các bị cáo H, H1);

Trú tại: Xóm ĐK, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Anh Dương Văn T, sinh năm: 1980; vắng mặt.

Trú tại: Xóm HP, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên;

2. Chị Dương Thị Ng, sinh năm: 1982; vắng mặt.

Trú tại: Xóm ĐK, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

3. Ông Dương Hữu N, sinh năm: 1947; vắng mặt.

Trú tại: Xóm TL, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

4. Anh Đồng Văn Nh, sinh năm: 1974; vắng mặt.

Trú tại: Xóm ĐK, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

5. Chị Dương Thị T1, sinh năm: 1977; vắng mặt.

Trú tại: Xóm ĐK, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

6. Chị Trần Thị Tr, sinh năm: 1980; vắng mặt.

Trú tại: Xóm ĐK, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

7. Bà Đinh Thị V, sinh năm: 1948; vắng mặt.

Trú tại: Xóm ĐK, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

8. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1958; vắng mặt.

Trú tại: Xóm ĐK, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

9. Ông Dương Văn X, sinh năm 1956; vắng mặt.

Trú tại: Xóm ĐK, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ tranh chấp phần đất ruộng lúa của gia đình ông Đào Văn P và đường bê tông của gia đình ông Dương Văn Q xây dựng trên phần ruộng của gia đình ông P ở xóm ĐK, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. Vụ việc đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện PB giải quyết và quyết định ông Q phải tháo dỡ phần đường bê tông xây dựng trái phép trên bờ ruộng nhà ông P, thời hạn cuối cùng của việc tháo dỡ là ngày 15/4/2017. Đến thời hạn phải tháo dỡ nhưng chưa thấy gia đình ông Q thực hiện, khoảng 09 giờ 00 phút ngày 30/4/2017, ông P và con trai là Đào Xuân T mang theo 01 xà beng, 01 búa tạ, 01 máy cắt sắt ra khu vực bờ ruộng nhà ông P ở xóm ĐK, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên để phá đường bê tông của nhà ông Q xây dựng trên bờ ruộng nhà mình, ông P có thuê anh Dương Văn T hộ phá dỡ. Khi đến đường bê tông, ông P dùng xà beng thực phá xuống mặt đường bê tông để phá đường thì con trai ông Q là Dương Văn H1 cầm theo một con dao dài khoảng 70 cm, màu trắng sáng đi từ nhà đến chỗ ông P đang phá đường và gọi điện thoại cho bố là ông Q nói “Bố ơi, chú P đang bầy đường bê tông nhà mình” rồi H1 nói với ông P “Ông không được thực đường nhà tôi”, ông P nói: “Việc phá là việc của nhà tao, chủ tịch đánh giấy về cho nhà tao tháo dỡ”. H1 lại nói “Ông mà thực nữa là tôi chém đấy” nhưng ông P vẫn tiếp tục cầm xà beng thực xuống đường bê tông. Thấy vậy, H1 cầm dao lao vào định chém ông P thì T (con trai ông P) chạy đến ôm, ngăn cản H1 không cho H1 chém ông P. Cùng lúc này, ông Dương Văn Q và Dương Ngọc H (H là con trai ông Q, em trai của H1) mỗi người đi một xe mô tô đến, ông Q đến trước, H đến ngay sau ông Q, cả hai cùng dừng xe trên đường đất ngay trước đường rẽ vào trại lợn, H có cầm theo một con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 01 mét, màu đen, tay cầm có hàn ống kim loại. Ông Q xuống xe chạy về phía ông P và nói “Chú cứ từ từ hãy thực, chỗ này không phải phạm vi của chú nữa, trái phải khác có pháp luật giải quyết”, ông P tiếp tục thực xà beng xuống đường bê tông để phá đường, ông Q và ông P lời qua tiếng lại, cãi nhau và giằng co chiếc xà beng khiến xà beng đập vào miệng ông Q khiến phần môi trên bị chảy máu, rồi cả hai người ôm, vật nhau ngã xuống ruộng lúa bên phải hướng từ đường bê tông đi vào trại lợn. Thấy bố mình và ông P vật lộn dưới ruộng, H1 vung dao định chém ông P ở dưới ruộng thì anh T lao vào ôm H1, can ngăn không cho H1 chém ông P. Khi anh T và H1 đang giằng co nhau thì H chạy từ chỗ để xe vào cầm dao chém T một nhát trúng vào vai trái khiến anh T bị ngã xuống ruộng lúa bên trái hướng từ đường bê tông nhìn vào trại lợn, sau đó H đứng trên bờ đường bê tông dùng dao chém một nhát vào cánh tay trái của anh T. Thấy T bị chém, ông P đã bỏ ông Q ra định chạy lên can ngăn thì bị H1 đứng trên bờ đường bê tông dùng dao chém một nhát vào đầu ông P, H quay sang phía ông P dùng dao chém một nhát trúng đầu ông P, ông P bỏ chạy sang bên bờ ruộng bên trái cổng và song

song với tường trại lợn. Thấy ông P đã bỏ chạy H1 nhảy xuống ruộng lúa nơi T đang đứng và dùng dao chém 3 nhát vào lưng T. Ông P đứng ở bờ ruộng nhặt hai nửa viên gạch ném về phía ông Q, H1, H nhưng không trúng ai. Sau khi chém ông P xong thì H1 và H lên xe của H điều khiển xe chở H1 đi theo đường đê sông máng hướng về xóm Hạnh Phúc, xã Xuân P. Anh T được anh Dương Văn T đưa đi viện cấp cứu. Ông P đi lên khu vực bờ đê sông máng để lấy đồ (các dụng cụ mang theo để phá đường bê tông) mang theo từ ban đầu thì H1 và H đi xe mô tô quay lại chỗ ông P, giữa ông P với H1, H xảy ra cãi vã thì H lao vào vật lộn với ông P khiến cả hai người ngã xuống ruộng nước ở bên phải hướng bên trái đường đi từ Ủy ban nhân dân xã XP đi vào xóm HP, xã XP. H1 đứng trên bờ tay phải cầm dao chém nhiều nhát, trong đó một nhát trúng vào bả vai cánh tay trái của ông P, khi bị chém ông P đã bỏ H ra và trèo lên bờ đi lên phía bên kia bờ đê. H đi xe mô tô chở H1 đi về, sự việc được báo cáo đến Công an huyện Phú Bình giải quyết theo thẩm quyền.

Hậu quả: Ông Đào Văn P phải đi Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình sơ cứu, rồi chuyển điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên từ ngày 30/4/2017 đến ngày 12/5/2017, anh Đào Xuân T phải đi viện cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên từ ngày 30/4/2017 đến ngày 11/5/2017. Ngày 22/5/2017, anh T tiếp tục xuống Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức tại Hà Nội điều trị đến ngày 31/5/2017 ra viện.

Ngày 26/6/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Bình đã ra quyết định trưng cầu giám định số 117 và 118, Trưng cầu Trung tâm giám định pháp y tỉnh Thái Nguyên giám định tổn hại phần trăm sức khỏe của Đào Văn P, sinh năm 1966 và Đào Xuân T, sinh năm 1990, cùng có HKTT tại xóm ĐK, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

+ Bản kết luận giám định thương tích đối với ông Đào Văn P số 172/TgT kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 8% (Tám phần trăm), áp dụng theo P pháp cộng lùi:

+ Bản kết luận giám định thương tích đối với anh Đào Xuân T số 173/TgT kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 28% (Hai mươi tám phần trăm), áp dụng theo P pháp cộng lùi.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Dương Ngọc H, Dương Văn H1 không thành khẩn khai nhận hành vi của mình; H1 và H không thừa nhận việc có mang dao đến hiện trường, H1 khai khi xảy ra xô xát giữa ông P và ông Q thì H1 chạy vào nhà ông H – Bí thư chi bộ xóm ĐK để gọi ông Hiến ra để can ngăn, không được dùng dao chém ông P và anh T. Dương Ngọc H không thừa nhận việc có mang dao đến hiện trường, H khai khi đến đường đi vào trại lợn thì thấy anh T đang xô xát với H1 ở trên đường bê tông thì H lao vào giằng co, xô xát với T rồi

cả hai người ngã xuống ruộng lúa bên trái đường bê tông đi từ ngoài đường đi vào trại lợn, khi H đứng dậy ở gần bờ đường bê tông thì nhìn thấy một con dao bằng kim loại có hàn ống sắt dài khoảng 1 mét H đã cầm dao chém anh T và ông P, H thừa nhận tất cả những vết thương của ông P và anh T là do một mình H gây ra.

Quá trình điều tra, ông P có giao nộp 01 USB ghi âm cuộc họp dòng họ tại gia đình ông Dương Văn X có sự chứng kiến của người trong họ tộc và có lập biên bản cuộc họp. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho trưởng họ là ông X, thư ký cuộc họp là bà M, ông P, anh T, ông Q và H1 nghe lại file ghi âm, xác định trong file ghi âm việc nói chuyện của gia đình ông P và gia đình ông Q thì ông Q và các con là H1 và H có nói, thừa nhận việc có cầm dao đến hiện trường và chém ông P và anh T qua phần trình bày của mỗi người. Nhưng ông Q, H và H1 không thừa nhận và đưa ra lý do không nhớ là nói gì hoặc có nói thì do việc gây sức ép của gia đình ông P nên ông Q, H và H1 nói, thừa nhận những gì mình không thực hiện để làm hài lòng gia đình ông P và giải quyết tình cảm giữa hai bên, không phải đưa vụ việc ra pháp luật.

Bị hại là ông Đào Văn P và anh Đào Xuân T khai H1 và H có cầm theo dao, anh T khai: khi H chạy đến trên tay có cầm theo dao chém một nhát vào vai trái của anh T khiến T ngã xuống ruộng lúa bên trái đường vào trại lợn rồi H đứng trên bờ đường bê tông tiếp tục chém anh T một nhát vào cánh tay trái, H1 nhảy xuống ruộng lúa dùng dao chém anh T vào vùng lưng, ngoài ra anh T còn khai H1 và H vung dao chém nhiều nhát vào ông P khi ông P đang vật lộn với ông Q ở dưới ruộng. Ông P khai bị H1 và H mỗi người chém một nhát vào đầu tại khu vực đường bê tông đi vào trại lợn, ông P ở dưới ruộng còn H1 và H đứng trên bờ bê tông, sau đó ông khi ông P vật nhau với H ở dưới sông máng thì H1 đứng trên bờ chém ông P vào bả vai cánh tay trái và vào lưng.

Lời khai của những người làm chứng như anh Dương Văn T, bà Dương Thị Ng, bà Trần Thị Ch, ông Dương Hữu N đều khai H1 và H có cầm theo dao chém vào người anh T và ông P, thấy ông P mặt dính nhiều máu.

Vật chứng của vụ án, gồm: 01 chiếc xà beng bằng kim loại dài 1,34 mét, đường kính rộng 3,2 cm đã qua sử dụng, 01 USB nhãn hiệu HP đã qua sử dụng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 155 ngày 03/12/2018 Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử các bị cáo Dương Ngọc H và Dương Văn H1 phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Dương Ngọc H 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 03-8-2017.

Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Dương Văn H1 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án theo bản án có hiệu lực pháp luật.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 của BLHS năm 2015, các Điều 357, 584, 586, 587 và Điều 590 của BLDS:

- Buộc bị cáo Dương Ngọc H phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho ông Đào Văn P một khoản T1 là 1.163.000 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi ba nghìn đồng) và bồi thường cho anh Đào Xuân T một khoản T1 là 29.522.500 đồng (Hai mươi chín triệu năm trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Buộc bị cáo Dương Văn H1 phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho ông Đào Văn P một khoản T1 là 1.163.000 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi ba nghìn đồng) và bồi thường cho anh Đào Xuân T một khoản T1 là 29.522.500 đồng (Hai mươi chín triệu năm trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, buộc bị cáo chịu án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/12/2018 bị hại Đào Văn P và Đào Xuân T kháng cáo đề nghị xét xử hai bị cáo H và H1 về tội “Giết người” và tăng mức hình phạt và tăng mức bồi thường lên 376.889.000đồng. Đề nghị xét xử ông Dương Văn Q là bố của hai bị cáo đã trực tiếp hô hai bị cáo là “chúng mày chém chết cái giống nhà nó đi”.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại Đào Văn P giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, bị hại Đào Xuân T rút yêu cầu kháng cáo đề nghị xét xử các bị cáo về tội “Giết người”. Về phần bồi thường ông Đào Văn P đề nghị tăng bồi thường về ngày ông bị mất thu nhập sau khi ra viện là 5 tháng, tăng T1 bồi thường tổn thất tinh thần lên 30 tháng lương cơ sở. Anh Đào Xuân T đề nghị tính bồi thường cho anh 39 ngày nằm viện, sau các lần ra viện anh không đi làm được tổng là 11 tháng 14 ngày, tăng bồi thường tổn thất tinh thần lên 40 tháng lương cơ sở.

Tại phiên tòa hôm nay, phần kết luận vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi phân tích tính chất vụ án cho rằng: Việc điều tra, truy tố, xét xử và áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm đối với bị cáo và bị hại là đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Dương Ngọc H 03 năm tù và Dương Văn H1 03 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Kháng cáo của bị hại đề nghị xét xử hai bị cáo H, H1 và ông Q về tội “Giết người” và đề nghị tăng hình phạt bị cáo H và H1 không có căn cứ.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự án sơ thẩm đã buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại ông Đào Văn P là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo tăng bồi thường cho ông P. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoản T1 bù đắp tổn thất về tinh thần cho anh T. Từ đó Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo về phần hình phạt của bị hại đối với các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Bị cáo H và bị cáo H1 không tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Dương Ngọc H và Dương Văn H1 - Luật sư Lê Q Nam trình bày quan điểm bào chữa: Tại phiên tòa các bị cáo H và H1 chấp nhận bản án sơ thẩm, các bị cáo không kháng cáo. Các bị hại kháng cáo có 03 yêu cầu. Theo luật sư về hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử nghiêm minh và có phần nghiêm khắc; về bồi thường dân sự, án sơ thẩm đã tính đúng, tính đủ các chi phí cho bị hại, tại phiên tòa các bị hại không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh về yêu cầu tăng bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Các bị hại không tranh luận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Đào Văn P và Đào Xuân T, luật sư Nguyễn Ngọc Thụy trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại: Về tội danh, án sơ thẩm đã xét xử đối với hai bị cáo H1 và H là phù hợp.

Kháng cáo của bị hại đề nghị tăng hình phạt, tại phiên tòa Viện kiểm sát đánh giá bị hại có lỗi dẫn đến bị cáo bị kích động về tinh thần nên chém bị hại. Việc đánh giá này hoàn toàn sai, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H1 không thành khẩn, H1 đã dùng dao chém nhiều nhát vào đầu và người ông P và anh T do vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng “có tính chất côn đồ” theo điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, về việc áp dụng pháp luật tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng vì ông Q tự nguyện bồi thường cho hai con của ông thì chỉ áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, căn cứ đơn xin cải tạo tại địa P để cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ khác tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tăng hình phạt cho các bị cáo. Về yêu cầu bồi thường: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tăng T1 tổn thất về tinh thần cho ông P thêm 5 tháng lương cơ sở, cho anh T tổng là 40 tháng lương cơ sở. Tăng khoản T1 mất thu nhập của anh T trong giữa thời gian chờ đi điều trị các bệnh viện thêm 11 tháng 14 ngày, chấp nhận T1 thuê xe đi bệnh viện 07 chuyến là 7.000.000đồng. Đề nghị tăng thời gian mất thu nhập cho ông P sau khi ông P đi viện 13 ngày thì 05 tháng ông P không lao động được tương ứng với mức thu nhập của ông P là 7.000.000đồng/1 tháng.

Ông P, anh T nhất trí với quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, không bổ sung, tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tranh luận lời bào chữa của luật sư Lê Q Nam và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại như sau: Về bồi thường thì Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các chứng cứ, tài liệu để xem xét. Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã kết luận.

Người bào chữa cho các bị cáo tranh luận: Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xét xử những nội dung có kháng cáo, về việc bồi thường thì nghĩa vụ chứng minh là thuộc các đương sự, án sơ thẩm đã tính các khoản bồi thường đúng quy định.

Các bị cáo nhất trí lời bào chữa của luật sư. Lời nói sau cùng bị cáo H mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo H1 không có ý kiến gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị hại Đào Văn P và Đào Xuân T làm trong hạn luật định được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị hại cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo H và H1 về tội “Cố ý gây thương tích” là không đúng, phải xử bị cáo về tội “Giết người” vì các bị cáo đã dùng dao chém nhiều nhất vào người và đầu của bị hại. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra vụ án, lời khai của người làm chứng, lời khai của các bị cáo về thời gian, địa điểm gây án, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định thương tích, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 09 giờ 00 ngày 30/4/2017 ông P cùng anh Đào Xuân T (là con trai) đã mang các dụng cụ gồm xà beng, búa tạ, cưa sắt ra phá dỡ đường bê tông của nhà ông Q. Khi ông P đang dùng xà beng phá đường bê tông thì ông Q cùng con là các bị cáo Dương Ngọc H và Dương Văn H1 ra ngăn cản dẫn đến xô xát, đánh nhau. Bị cáo H đã dùng dao bằng kim loại chém 02 nhát vào vùng vai trái và cánh tay trái anh T và chém 01 nhát vào đỉnh đầu ông P, bị cáo H1 cũng dùng dao bằng kim loại chém 03 nhát vào lưng anh T và 01 nhát vào đầu, 01 nhát vào bả vai cánh tay trái ông P. Hậu quả ông P bị tổn hại thương tích 08%, anh T bị tổn hại thương tích 28%. Các bị cáo không có ý thức tước đoạt sinh mạng của ông P và anh T.

Với hành vi nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Dương Ngọc H và Dương Văn H1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của bị hại về các nội dung trong đơn Hội đồng xét xử thấy:

Như phân tích nêu trên, về nội dung kháng cáo đề nghị xử bị cáo H và H1 về tội “Giết người” là không có căn cứ. Về kháng cáo đề nghị xử ông Dương Văn Q đồng phạm với bị cáo H1 và H, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ Điều 298 bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định giới hạn của việc xét xử: “Tòa án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định vụ án ra xét xử”. Đối với ông Dương Văn Q là bổ đề của hai bị cáo quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác định chưa đủ căn cứ xử lý đối với ông Q. Cơ quan điều tra sẽ điều tra làm rõ, nếu có hành vi hô hoán thì xử lý sau theo quy định. Do vậy kháng cáo của các bị hại về nội dung này không có căn cứ chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo tăng hình phạt đối với các bị cáo H1 và H, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Dương Ngọc H với mức án 03 năm tù, bị cáo Dương Văn H1 03 năm 06 tháng tù là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đồng thời đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Kháng cáo của bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo H1 và H không có căn cứ chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo yêu cầu tăng bồi thường của các bị hại Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bồi thường của ông Đào Văn P, Tòa án cấp sơ thẩm đã tính đúng, tính đủ các chi phí thực tế của ông P là 29.326.000đồng, các bị cáo đã bồi thường 27.000.000đồng và buộc mỗi bị cáo bồi thường cho ông P số tiền còn lại 1.163.000 đồng là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm ông P không cung cấp được tài liệu nào mới thể hiện các chi phí thực tế liên quan đến điều trị thương tích mà chưa được xem xét, do vậy không có căn cứ tăng bồi thường cho ông P.

Đối với yêu cầu bồi thường của anh Đào Xuân T: Án sơ thẩm xác định, chi phí tiền viện phí, tiền thuốc theo hóa đơn được chỉ định của bác sỹ tại 04 bệnh viện là 32.795.000đồng và chấp nhận mất thu nhập của anh T 300.000đ/1 ngày và công người chăm sóc 200.000đồng/1 ngày là có phù hợp. Tuy nhiên, về thời gian điều trị tại 04 bệnh viện của anh T án sơ thẩm xác định 37 ngày là chưa chính xác. Vì căn cứ theo các giấy ra viện thì tổng số ngày anh T điều trị là 39 ngày và theo chỉ định của bác sỹ trong 02 giấy ra viện thì anh T nghỉ lao động 28 ngày. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T, cần sửa số ngày mất thu nhập của anh T là 67 ngày và ngày công của người chăm sóc anh T trong thời gian nằm viện là 39 ngày.

Về khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho anh T 25 tháng lương cơ sở là thấp. Bởi lẽ, các bị cáo gây thương tích cho anh T tỷ lệ tổn thương cơ thể là 28% anh T đã phải điều trị nhiều bệnh viện do đó chấp nhận kháng cáo của anh

T tăng mức bồi thường tổn thất về tinh thần cho anh T tương ứng với 30 tháng lương cơ sở. Tại thời điểm xét xử mức lương cơ sở là 1.390.000đồng/1 tháng, cụ thể: 30 tháng x 1.390.000đồng = 41.700.000đồng. tiền viện phí, tiền thuốc theo hóa đơn được chỉ định của bác sỹ tại 04 bệnh viện là 32.795.000đồng; tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị của anh T: 67 ngày x 300.000đồng = 20.100.000đồng; tiền công người chăm sóc anh T: 39 ngày x 200.000đồng = 7.800.000đồng. Tổng cộng 102.395.000đồng. Các bị cáo đã bồi thường 27.000.000đồng còn phải liên đới bồi thường 75.395.000đồng. Cụ thể mỗi bị cáo bồi thường cho anh T số tiền 37.697.500đồng.

Về việc áp dụng pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định gia đình bị cáo H có đơn xin cải tạo tại địa P được chính quyền địa P xác nhận, bảo lãnh nên bị cáo H còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là không có căn cứ. Bởi lẽ, xác nhận của chính quyền địa P không phải là tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Để đảm bảo tính chính xác của bản án và việc áp dụng pháp luật đúng quy định, Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo H.

Như phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa. Đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo không có căn cứ chấp nhận. Chấp nhận một phần đề nghị của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các bị hại tại phiên tòa về phần tăng bồi thường dân sự cho anh T.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Về án phí dân sự: Do sửa phần trách nhiệm bồi thường dân sự đối với các bị cáo nên sửa án phí dân sự.

Bởi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Văn P. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đào Xuân T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 155/2018/HS-ST ngày 03/12/2018 Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Tuyên bố các bị cáo Dương Ngọc H và Dương Văn H1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội xử phạt bị cáo Dương Ngọc H 03

(Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 03-8-2017.

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; xử phạt bị cáo Dương Văn H1 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành bản án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 357, 584, 586, 587 và Điều 590 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Dương Ngọc H phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho ông Đào Văn P số tiền là 1.163.000 đồng (một triệu một trăm sáu mươi ba nghìn đồng) và bồi thường cho anh Đào Xuân T một số tiền là 37.697.500 đồng (ba mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Buộc bị cáo Dương Văn H1 phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho ông Đào Văn P một khoản tiền là 1.163.000 đồng (một triệu một trăm sáu mươi ba nghìn đồng) và bồi thường cho anh Đào Xuân T một khoản tiền là 37.697.500 đồng (ba mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Mỗi bị cáo phải chịu 1.943.000 đồng án phí dân sự. Bị hại Đào Văn P và Đào Xuân T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm được hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000658 và 0000657 ngày 18/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh TN, Sở TP;
- TAND huyện Phú Bình;
- Công an huyện Phú Bình;
- THADS huyện Phú Bình;
- THA hình sự;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Bị hại (theo địa chỉ);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lê Thị Hồng Phương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lan P- Trần Khánh Hồng**

**Lê Thị Hồng P**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh TN, Sở TP;
- TAND huyện Phú Bình;
- Công an huyện Phú Bình;
- THADS huyện Phú Bình;
- THA hình sự;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng P**